

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN  
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

**Kính gửi:**

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/*Supervisory Bank*: Ngân hàng Vietcombank3. Mã chứng khoán/*Securities code*: FUEIP1004. Tên quỹ ETF/*ETF name*: Quỹ ETF IPAAM VN1005. Địa chỉ trụ sở chính/*Main office address*: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date*: 22/05/20247. Đơn vị tính/*Unit*: 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ 1 *Creation Unit* = 100.000 *ETF shares*.**Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/****Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:**

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
<b>I. Chứng khoán/Stock</b>			
1	ACB	1,700	5.25%
2	BCG	200	0.20%
3	BID	100	0.55%
4	BVH	100	0.46%
5	CTG	400	1.48%
6	DBC	100	0.38%
7	DCM	100	0.43%
8	DGC	100	1.38%
9	DGW	100	0.71%
10	DIG	200	0.63%
11	DPM	100	0.39%
12	DXG	300	0.57%
13	EIB	800	1.62%
14	EVF	200	0.35%
15	FPT	500	7.45%
16	FRT	100	1.80%
17	GAS	100	0.84%
18	GEX	300	0.77%
19	GMD	100	0.93%
20	GVR	100	0.37%
21	HAG	300	0.49%

22	HCM	200	0.65%
23	HDB	1,100	2.98%
24	HDG	100	0.35%
25	HHV	200	0.29%
26	HPG	1,600	5.59%
27	HSG	300	0.72%
28	KBC	300	1.03%
29	KDC	100	0.71%
30	KDH	200	0.80%
31	LPB	1,100	2.75%
32	MBB	1,400	3.62%
33	MSB	800	1.26%
34	MSN	300	2.49%
35	MWG	600	3.98%
36	NKG	100	0.27%
37	NLG	100	0.48%
38	OCB	500	0.79%
39	PAN	100	0.26%
40	PC1	100	0.31%
41	PDR	200	0.56%
42	PLX	100	0.41%
43	PNJ	100	1.07%
44	POW	200	0.25%
45	PVD	100	0.36%
46	PVT	100	0.33%
47	REE	100	0.65%
48	SAB	100	0.64%
49	SBT	200	0.26%
50	SHB	1,500	1.95%
51	SSB	700	1.68%
52	SSI	500	2.02%
53	STB	900	2.79%
54	TCB	1,100	5.69%
55	TCH	200	0.44%
56	TPB	500	1.01%
57	VCB	300	3.00%
58	VCG	100	0.25%
59	VCI	100	0.56%
60	VHC	100	0.85%
61	VHM	600	2.64%
62	VIB	600	1.49%
63	VIC	600	3.05%
64	VIX	300	0.60%

3270  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
CHÍNH  
TRỊ

65	VJC	100	1.23%
66	VND	400	0.94%
67	VNM	400	2.90%
68	VPB	2,300	4.99%
69	VRE	400	1.01%
II.	Tiền/Cash (VND)	31,888,490	

**Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/**

**Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:**

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	912,404,000
Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit: (VND)	944,292,490
Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	31,888,490

**Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:**

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

**Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)**

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	28,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	50,000	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	136,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	85,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	23,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	60,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	98,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	59,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	47,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	18,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	19,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	21,450	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclosed on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

8-C  
Y  
I  
VIỆN  
ĐẦU  
HOÁN  
- TP

**Đại diện tổ chức/Organization Representative**

**Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information**

**(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)**



**Tổng giám đốc  
Nguyễn Hồ Nga**

